

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ;

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – **Thẩm tra viên** Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm V T, sinh năm 1967.

HKTT: xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Hòa Phú, xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trịnh N C (L), sinh năm 1968.

Địa chỉ: xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm V T trình bày:

Ông T và bà C tổ chức cưới năm 1991, sau đó về chung sống với nhau tại xã H, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông T và bà C chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nay ông Phạm V T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà C.

Về con chung: Thời gian chung sống ông T và bà C có ba con chung tên Phạm Thị T D, sinh ngày 05/11/1992; Phạm Ngọc T L, sinh ngày 07/5/1999 và Phạm M T, sinh ngày 30/07/2006.

Con chung Phạm M T có nguyện vọng sống với bà C nên ông nhường quyền nuôi cháu Tính cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Tính mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Tính đủ 18 tuổi.

Con chung Phạm Thị T D và Phạm Ngọc T L hiện nay đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên phiên hoà giải và tại phiên tòa bà Trịnh N C trình bày:

Bà và ông T tổ chức đám cưới năm 1991 nhưng tới nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2019 đến nay thì cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Nay bà còn thương yêu chồng là ông T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống bà và ông T có ba con chung tên Phạm Thị T D, sinh ngày 05/11/1992, Phạm Ngọc T L, sinh ngày 07/5/1999 và Phạm M T, sinh ngày 30/07/2006.

Trường hợp Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì bà yêu cầu được quyền nuôi con là cháu Phạm M T, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Tính mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu tính đủ 18 tuổi.

Con chung là Phạm Thị T D và Phạm Ngọc T L đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại phiên hoà giải ngày 13/01/2022, cháu Phạm M T trình bày: Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Trịnh N C.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm V T và bà Trịnh N C. Về con chung: Đề nghị giao con chung Phạm M T, sinh ngày

30/7/2006 cho bà Trịnh N C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung Phạm M T đủ 18 tuổi. Ông T được quyền thăm nom con chung Phạm M T không ai được quyền cản trở. Con chung là Phạm Thị T D và Phạm Ngọc T L đã trưởng thành, ông T và bà C không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung Phạm M T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Phạm M T đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa ông Phạm V T và bà Trịnh N C là loại kiện hôn nhân và gia đình. Ông T và bà C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa ông Phạm V T và bà Trịnh N C là vi phạm về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà C, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà C. Bà C không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà C có ba con chung tên Phạm Thị T D, sinh ngày 05/11/1992; Phạm Ngọc T L, sinh ngày 07/5/1999 và Phạm M T, sinh ngày 30/07/2006.

Xét thấy, hiện nay con chung Phạm M T đang sống cùng với bà C. Cháu Tính có nguyện vọng sống với mẹ, bà C cũng yêu cầu được quyền tiếp tục được nuôi con Phạm M T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Phạm M T và phù hợp với nguyện vọng của con chung thì cần thiết giao cháu Phạm M T cho bà C trực tiếp nuôi đến khi cháu Tính đủ 18 tuổi. Ông T được quyền thăm nom con chung Phạm M T không ai được quyền cản trở.

Con chung là Phạm Thị T D và Phạm Ngọc T L đã trưởng thành, ông T và bà C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C yêu cầu ông Tính cấp dưỡng nuôi con chung Phạm M T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu tính đủ 18 tuổi. Ông T cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu bà C.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Con chung

Phạm M T do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không trực tiếp nuôi con nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm M T mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng: Tính từ ngày tuyên án cho đến khi các cháu Phạm M T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Phạm V T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm V T và bà Trịnh N C.

2. Về con chung: Giao cho bà Trịnh N C được quyền trực tiếp nuôi con chung Phạm M T, sinh ngày 30/7/2006 cho đến khi cháu Phạm M T đủ 18 tuổi. Ông Phạm V T được quyền thăm nom con chung Phạm M T không ai được quyền cản trở.

Hai con chung Phạm Thị T D, sinh ngày 05/11/1992 và Phạm Ngọc T L, sinh ngày 07/5/1999, đã trưởng thành. Ông Phạm V T và bà Trịnh N C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Phạm V T cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm M T, sinh ngày 30/7/2006 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng: Tính từ ngày tuyên án cho đến khi các cháu Phạm M T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Phạm V T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009826 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, ông Phạm V T phải nộp thêm 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mến